

Bản án số: 08/2018/HS-ST

Ngày: 22/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Minh Thu.

2. Ông Nguyễn Xuân Hải.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tạ Xuân Trà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/HSST ngày 08/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Đinh Văn C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10/8/1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Đinh Ngọc T và bà Hứa Thị N (đều đã chết); có vợ là Long Thị L và 02 con (con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2003); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Người bị hại:** Anh Hoàng Thanh T, sinh năm 1997; trú tại: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Long Thị L, sinh năm 1972; trú tại: Thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

*** Những người làm chứng:**

1. Chị Đinh Thị H (tên gọi khác: L), sinh năm 1999; trú tại: Thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

2. Anh Vũ Thanh T1, sinh năm 1985; trú tại: Tổ K, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 14/10/2017, Đinh Văn C một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda wave biển kiểm soát 97B1-117.84 từ xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn đến cửa hàng điện thoại di động TT thuộc tổ 7, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn do anh Vũ Thanh T1 làm chủ để sửa chiếc điện thoại Nokia Lumia 520 của C bị hỏng nguồn. Khi vào cửa hàng C gặp anh Vũ Thanh T1 và anh Hoàng Thanh T là nhân viên cửa hàng, lúc này anh T1 đang dọn dẹp cửa hàng nên C đã đưa chiếc điện thoại của mình cho anh T. Anh T cầm lấy điện thoại từ C và ngồi vào bàn làm việc. Khi anh T sửa điện thoại cho C thì anh T ngồi quay lưng với C, còn C ngồi trên chiếc ghế xoay cạnh tủ kính để đồ phụ kiện điện thoại. Đến khoảng 7 giờ 40 phút, trong quá trình ngồi chờ anh T sửa điện thoại cho mình, C quan sát xung quanh và thấy chiếc điện thoại Iphone 5s màu vàng bên ngoài ốp nhựa silicon hình họa tiết, bên trong có lót một tấm nhũ bằng nhựa màu bạc của anh T ở trong tủ kính để đồ phụ kiện điện thoại nhưng không đóng cửa kính, lúc này thấy trong cửa hàng không có ai, anh T đang tập trung sửa điện thoại nên C đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên đem về sử dụng cá nhân. Để thực hiện hành vi trộm cắp của mình C đã dịch chuyển chiếc ghế đang ngồi lại gần tủ kính, dùng tay phải lấy chiếc điện thoại cất vào trong túi áo ngực bên trái đang mặc, nhưng do trong túi đang có bao thuốc lá không cất thêm được nên C tiếp tục cất chiếc điện thoại vào cặp quần đang mặc, sau đó đứng dậy và đi ra trước cửa hàng hút thuốc lá một lúc rồi quay lại. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, anh T sửa xong điện thoại của C, C nhận lại điện thoại và thanh toán tiền sửa điện thoại sau đó về nhà bằng chiếc xe mô tô ban đầu C đi đến cửa hàng.

Trên đường từ cửa hàng điện thoại TT về nhà, C dừng xe ở chợ L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn uống rượu với mấy người trong thôn. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày C về nhà mình tại thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và cất chiếc điện thoại trộm cắp được của anh T vào trong chiếc vali cạnh giường ngủ của mình, sau đó C tiếp tục đi uống rượu với mấy người trong thôn. Đến khoảng 19 giờ đến 20 giờ cùng ngày, C trở về nhà lấy chiếc điện thoại Iphone 5s đã cất trong vali trước đó nhờ con gái là Đinh Thị H mở khay đựng sim để lấy sim ra. Sau khi H dùng tăm mở được khay đựng sim, C lấy lại điện thoại và đi ra trước cửa nhà tìm cách mở khóa điện thoại nhưng do không biết mật khẩu không mở được khóa nên C tắt nguồn, rồi cất chiếc điện thoại vào trong vali cạnh giường ngủ của C và đi ngủ. Quá trình cầm chiếc điện thoại từ tay H, C đã làm rơi chiếc sim. Đến ngày 15/10/2017, C thức dậy và đi làm việc bình thường.

Sau khi phát hiện mất chiếc điện thoại anh T và anh T1 đã kiểm tra camera an ninh của cửa hàng và phát hiện Đinh Văn C là người đã lấy chiếc điện thoại nên đã trình báo công an.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 10/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bắc Kạn đã kết luận: 01 chiếc điện thoại Iphone 5s màu vàng (gold) đã

qua sử dụng 05 tháng có giá trị thiệt hại là 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 08/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Đinh Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều luật có nội dung: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đinh Văn C và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng. Về bồi thường thiệt hại người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Đinh Văn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Khoảng 07 giờ 40 phút ngày 14/10/2017, tại cửa hàng điện thoại di động TT thuộc tổ 7, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo Đinh Văn C đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại Iphone 5s trị giá 4.100.000 đồng (bốn triệu, một trăm nghìn đồng) của anh Hoàng Thanh T là nhân viên cửa hàng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đinh Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Không phải chịu tình tiết tăng nặng và được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông nội được tặng thưởng Huân chương theo quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định và rõ ràng, không phải chịu tình tiết tăng nặng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, hành vi phạm tội là bộc phát, tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, gia đình thuộc diện hộ nghèo. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tính răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo đồng thời cũng tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa sai phạm của mình.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định, gia đình thuộc diện hộ nghèo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại anh Hoàng Thanh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh xác nhận đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 điện thoại Iphone 5s màu vàng cơ quan điều tra đã tạm giữ thu giữ của bị cáo là tài sản do C trộm cắp của anh T, ngày 21/12/2017 cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho anh T là đúng quy định của pháp luật.

- 01 chứng thư nhận dân mang tên Đinh Văn C; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu xanh biển kiểm soát 97B1-117.84; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Hoàng Thị T2 và 01 giấy mua bán xe máy. Quá trình điều tra xác định xe là tài sản chung giữa bị cáo và vợ là bà Long Thị L nên đã trả lại xe, các giấy tờ cho bị cáo và bà Long Thị L là đúng quy định của pháp luật.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia 520 màu đen trắng đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

* Đối với chị Đinh Thị H là người đã giúp C mở chiếc khay đựng sim điện thoại, tuy nhiên quá trình điều tra xác định chị H không biết chiếc điện thoại là do C trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra đã không xem xét, xử lý là có căn cứ.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Đinh Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Đinh Văn C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Đinh Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia 520 màu đen trắng đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 12/3/2018 giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đinh Văn C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- UBND xã L,
huyện B, tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Dương